

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước	108.641.128.400	91.596.707.400
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	70.768.360	115.897.064
Doanh thu cung cấp vật tư, trang thiết bị ngành nước	60.697.500	83.281.000
Cộng	<u>108.772.594.260</u>	<u>91.795.885.464</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp nước ⁽¹⁾	65.092.830.444	57.002.697.041
Giá vốn xây dựng, lắp đặt	45.019.862	56.310.769
Giá vốn cung cấp vật tư, trang thiết bị ngành nước	60.257.840	70.237.087
Cộng	<u>65.198.108.146</u>	<u>57.129.244.897</u>

⁽¹⁾ Giá vốn cung cấp nước như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	47.115.194.347	39.118.817.994
Chi nhân công	8.183.826.105	8.739.890.302
Chi phí khấu hao	4.532.081.185	4.557.588.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.729.075.478	4.119.800.117
Chi phí khác	532.653.329	466.599.967
Giá vốn cung cấp nước	<u>65.092.830.444</u>	<u>57.002.697.041</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.477.123	24.815.548
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	25.642.084	759.947.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.100.000.000	2.200.000.000
Lãi bán chứng khoán	2.400	226.300.544
Cộng	<u>1.144.121.607</u>	<u>3.211.063.972</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	922.776.329	218.029.023
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	(171.538.650)
Cộng	<u>922.776.329</u>	<u>46.490.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.567.345.292	1.042.261.767
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	381.360.019	405.190.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	268.988.752	245.219.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.049.326.806	705.784.538
Chi phí khác	1.564.051.869	1.424.988.744
Cộng	<u>5.831.072.738</u>	<u>3.823.445.436</u>

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.114.481.825	32.692.990.206
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.114.481.825	32.692.990.206
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.013</u>	<u>3.633</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.601.832.068	39.661.111.936
Chi phí nhân công	10.751.171.397	9.771.596.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.801.069.937	4.802.808.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.778.402.284	4.825.584.655
Chi phí khác	2.096.705.198	1.891.588.711
Cộng	<u>71.029.180.884</u>	<u>60.952.690.333</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.100.984.088	1.028.957.092
Phụ cấp	72.000.000	60.000.000
Tiền thưởng	681.128.220	636.568.430
Cộng	<u>1.854.112.308</u>	<u>1.725.525.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu	Cổ đông nắm giữ 28,44% vốn điều lệ
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu		
Mua thành phẩm nước sản xuất	24.548.403.900	30.635.131.500
Cổ tức phải thu	1.100.000.000	1.100.000.000
Cổ tức phải trả	2.559.400.000	5.118.800.000

Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức

Góp vốn	-	38.000.000.000
Mua thành phẩm nước sản xuất	10.772.675.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu		
Mua thành phẩm nước sản xuất	21.748.545	2.644.360.425
Cổ tức phải trả	-	2.000.000.000
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức		
Mua thành phẩm nước sản xuất	4.026.582.000	-
Cộng nợ phải trả	4.048.330.545	4.644.360.425

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động chính của Công ty chi là hoạt động sản xuất và kinh doanh nước và chỉ cung cấp trong địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách việc giám sát chặt chẽ việc thu hồi nợ, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác và cũng không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.622.476.525	-	2.448.405.532	-	4.622.476.525	2.448.405.532
Phải thu khách hàng	10.775.277.045	-	8.359.067.641	-	10.775.277.045	8.359.067.641
Các khoản phải thu khác	2.012.500	-	10.458.000	-	2.012.500	10.458.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.901.494.953	-	12.351.494.953	-	12.901.494.953	12.351.494.953
Cộng	28.301.261.023	-	23.169.426.126	-	28.301.261.023	23.169.426.126



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	-	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Phải trả người bán	4.336.911.632	3.074.275.176	4.336.911.632	3.074.275.176
Các khoản phải trả khác	9.035.028.180	2.049.913.424	9.035.028.180	2.049.913.424
Cộng	13.371.939.812	23.124.188.600	13.371.939.812	23.124.188.600

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 01 năm 2014



Phạm Thị Hòa
Người lập biểu



Phạm Thị Hòa
Kế toán trưởng



Nguyễn Chiến Thắng
Giám đốc